

ỦY BAN NHÂN DÂN  
TỈNH BÌNH ĐỊNH

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: /QĐ-UBND

Bình Định, ngày tháng 01 năm 2024

### QUYẾT ĐỊNH

#### Phê duyệt Kế hoạch bê tông hóa giao thông nông thôn năm 2024 trên địa bàn tỉnh

#### CHỦ TỊCH ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19/6/2015;

Căn cứ Luật sửa đổi bổ sung một số điều của Luật Tổ chức Chính phủ và Luật Tổ chức Chính quyền địa phương ngày 22/11/2019;

Căn cứ Quyết định số 94/2020/QĐ-UBND ngày 28/12/2020 của UBND tỉnh về ban hành Chương trình bê tông hóa giao thông nông thôn, giai đoạn 2021 - 2025 trên địa bàn tỉnh;

Căn cứ Quyết định số 1377/QĐ-UBND ngày 15/4/2021 của UBND tỉnh về ban hành thiết kế mẫu mặt đường bê tông xi măng để thực hiện Chương trình bê tông hóa giao thông nông thôn, giai đoạn 2021 - 2025 trên địa bàn tỉnh,

Xét đề nghị của Sở Giao thông vận tải tại Văn bản số 88/TTr-SGTVT ngày 29/12/2023,

### QUYẾT ĐỊNH:

**Điều 1.** Phê duyệt Kế hoạch triển khai xây dựng Bê tông hóa giao thông nông thôn năm 2024 trên địa bàn tỉnh, với các nội dung chính sau:

#### 1. Bê tông hoá giao thông nông thôn

TT	Địa phương	Chiều dài loại đường (Km)				Chiều dài (Km)	Lượng XM hỗ trợ (Tấn)	Ghi chú
		A	B	C	D			
1	An Lão	4,476	11,641	0,590	-	16,707	2.724,551	Chi tiết theo các Phụ lục từ I.01 - I.10 gửi kèm
2	An Nhơn	3,080	28,677	0,388	0,229	32,374	5.052,919	
3	Hoài Ân	-	4,830	0,770	-	5,600	813,680	
4	Hoài Nhơn	1,093	20,508	12,553	2,170	36,324	4741,039	
5	Phù Cát	2,500	14,853	10,956	4,037	32,346	4.145,127	
6	Phù Mỹ	4,659	9,614	13,465	2,339	30,077	3.881,970	
7	Tây Sơn	1,752	19,493	7,690	0,818	29,753	4.139,060	
8	Tuy Phước	4,775	4,916	0,167	0,722	10,580	1.770,113	
9	Vân Canh	-	2,990	-	-	2,990	457,470	
10	Vĩnh Thạnh	-	0,600	2,115	0,090	2,805	451,125	
11	Quy Nhơn	-	-	-	-	-	-	Không đăng ký
<b>Tổng cộng</b>		<b>22,935</b>	<b>119,637</b>	<b>46,669</b>	<b>10,315</b>	<b>199,556</b>	<b>28.177,054</b>	

Lưu ý: Đối với các tuyến đường GTNT đường xã, trực chính xã đăng ký danh mục đầu tư xây dựng với quy mô đường GTNT loại A và các tuyến đường

GTNT từ trung tâm xã đến các làng, thôn, bản ở các xã có đồng bào dân tộc thiểu số, địa hình bị chia cắt, phức tạp thuộc các huyện miền núi của tỉnh được xem xét hỗ trợ thêm kinh phí (*ngoài phần xi măng tỉnh hỗ trợ*) phải đảm bảo đầy đủ theo các tiêu chí yêu cầu của Chương trình bê tông hóa GTNT, giai đoạn 2021 - 2025 trên địa bàn tỉnh đã được UBND tỉnh ban hành tại Quyết định số 43/2022/QĐ-UBND ngày 05/8/2022 và các danh mục tuyến đường này phải được Đoàn kiểm tra liên ngành (Các Sở: GTVT, Tài chính, Xây dựng,...) kiểm tra, xác nhận và tham mưu đề xuất UBND tỉnh xem xét quyết định theo đúng quy định.

## 2. Hỗ trợ xi măng để sửa chữa, mở rộng các tuyến đường GTNT bị hư hỏng

TT	Địa phương	Đường huyện	Đường xã	Loại A	Loại B	Tổng chiều dài (Km)	Lượng XM hỗ trợ (Tấn)	Ghi chú
1	An Lão	6,690	13,635	2,200	-	22,525	6.639,680	Chi tiết theo các Phụ lục từ II.01 - II.09 gửi kèm
2	An Nhơn	-	1,840	-	0,685	2,525	401,045	
3	Hoài Ân	-	1,600	1,100	4,040	6,740	1.402,320	
4	Hoài Nhơn	0,485	17,890	-	-	18,375	3.804,092	
5	Phù Cát	-	3,400	0,770	-	4,170	663,560	
6	Phù Mỹ	-	16,905	2,676	0,465	20,046	4.819,386	
7	Tây Sơn	-	13,760	2,995	1,480	18,235	3.352,200	
8	Tuy Phước	-	-	-	0,570	0,570	87,210	
9	Vân Canh	-	1,380	-	0,495	1,875	297,915	
10	Vĩnh Thạnh	-	-	-	-	-	-	Không đăng ký
11	Quy Nhơn	-	-	-	-	-	-	Không đăng ký
<b>Tổng cộng</b>		<b>7,175</b>	<b>70,410</b>	<b>9,741</b>	<b>7,735</b>	<b>95,061</b>	<b>21.467,408</b>	

**Lưu ý:** Đối với đường huyện hỗ trợ xi măng để sửa chữa, mở rộng đạt quy mô đường cấp VI (bề rộng mặt đường  $B_m=5,5m$ , chiều dày 22cm, mác bê tông 300 daN/cm<sup>2</sup>); đối với đường xã hỗ trợ xi măng để sửa chữa, mở rộng đạt quy mô đường cấp VI (bề rộng mặt đường  $B_m=5,5m$ , chiều dày 20cm, mác bê tông 300 daN/cm<sup>2</sup>); đối với các tuyến đường GTNT loại A hỗ trợ xi măng sửa chữa mặt đường bị hư hỏng có bề rộng  $B_m=3,5m$ , chiều dày 20cm, mác bê tông 250 daN/cm<sup>2</sup>; đối với các tuyến đường GTNT loại B hỗ trợ sửa chữa mặt đường bị hư hỏng có bề rộng  $B_m=3,0m$ , chiều dày 18cm, mác bê tông 250 daN/cm<sup>2</sup>.

### Điều 2. Tổ chức thực hiện:

1. Giao UBND các huyện, thị xã bố trí kế hoạch vốn theo cơ cấu nguồn vốn được UBND tỉnh thông qua; chỉ đạo UBND cấp xã (*Chủ đầu tư đối với các công trình tại địa phương*) tổ chức thực hiện theo đúng quy định trong công tác đầu tư xây dựng về huy động, quản lý và sử dụng các khoản đóng góp của các tổ chức, cá nhân để triển khai xây dựng Bê tông hóa đường giao thông nông thôn năm 2024 ở địa phương đảm bảo theo kế hoạch phê duyệt tại Điều 1 của Quyết định này.

2. Giao Sở Giao thông vận tải:

a. Chủ trì, phối hợp với Sở Tài chính và UBND các huyện, thị xã kiểm tra, soát xét kỹ danh mục các tuyến đường xã, trục chính xã đủ điều kiện hỗ trợ theo Quyết định số 94/2020/QĐ-UBND ngày 28/12/2020 của UBND tỉnh; báo cáo, đề xuất UBND tỉnh xem xét, quyết định.

b. Chủ trì, phối hợp các ngành hướng dẫn, kiểm tra việc thực hiện của các địa phương theo quy định hiện hành; báo cáo định kỳ hàng Quý cho UBND tỉnh để chỉ đạo thực hiện.

**Điều 3.** Chánh Văn phòng UBND tỉnh, Giám đốc các Sở: Kế hoạch và Đầu tư, Tài chính, Giao thông vận tải, Xây dựng, Giám đốc Kho bạc Nhà nước tỉnh, Chủ tịch UBND các huyện, thị xã và Thủ trưởng các sở, ban, ngành, đơn vị liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này kể từ ngày ký./.

***Nơi nhận:***

- Như Điều 3;
- CT, các PCT UBND tỉnh;
- Các PVP UBND tỉnh;
- Lưu: VT, K19. (M.30b)

**KT. CHỦ TỊCH  
PHÓ CHỦ TỊCH**

**Nguyễn Tự Công Hoàng**